LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 22/09/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2+BK3	7:25	18+4	0+0		17+5	0+0	
2		P10	7:25	22	0		22	0	
3		CNV+P9	7:25	4+18	0+0		0+22	0+0	
4		KNT	7:25	17	0		18	0	PUMA
5		P11	9:25	22	0		22	0	
6		VSP01+BK4+P2	9:25	2+8+11	0+0+0		0+5+17	0+0+0	
7		P2+BK10+P9	9:25	15+6+0	0+0+0		10+6+5	0+0+0	
8		P1+P11+BK3	11:25	5+12+4	0+0+0		3+13+6	0+0+0	
9		P9+P10	13:25	8+12	0+0		8+15	0+0	Huỷ bay do thời tiết xấu

TTĐĐSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ đI VỀ TRONG NGÀY BK3-2NG, P9-1NG, P10-4NG

VNH SOUTH
Cùng bay tới thành công

FLIGHT MANIFEST

VIETSOVPETRO

DATE: 22/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO:TD2 - BK3	CREW: DƯƠNG - HTRUNG - NNAM	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM25/3642	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	VANEEV DMITRIY	TD2	28	1	9			103	KHOAN	Russian
2	GROMOV SERGEY	TD2	29	1	10			84	KHOAN	Russian
3	BÙI HỮU HỒNG	TD2	35	1	5			84	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN THANH TUYỀN	TD2	26	1	11			81	KHOAN	Vietnamese
5	TRẦN MAI NGUYỄN PHƯỚC	TD2	38-39	2	15			89	KHOAN	Vietnamese
6	BÙI TRUNG THỌ	TD2						71	KHOAN	Vietnamese
7	ĐỖ VĂN CƯỜNG	TD2	24	1	4			77	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH TÙNG	TD2	27	1	7			55	KHOAN	Vietnamese
9	VŨ THANH TUẤN	TD2	31-32	2	15			88	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN TÙNG DƯƠNG	TD2	30	1	8			59	ANTOAN	Vietnamese
11	TRỊNH HỒNG SƠN	TD2	25	1	7			69	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN ANH ỨNG	TD2	36-37	2	14			65	KHOAN	Vietnamese
13	TÔ TUẤN DUY	TD2	21	1	9			106	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ TRUNG HIẾU	TD2	23	1	4			88	KHOAN	Vietnamese
15	VŨ NGỌC TIẾN	TD2	20	1	8			75	DVL	Vietnamese
16	TRẦN THÁI AN	TD2	33	1	13			72	DVL	Vietnamese
17	LÊ PHÁT THỊNH	TD2	34	1	6			95	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN TUẤN	TD2	22	1	5			66	PSV	Vietnamese
19	VŨ VĂN NAM	BK3	38	1	5			60	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN QUANG THẮNG	BK3						76	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN ĐẠI THIỆU	BK3	39	1	2	2	30	92	NIPI	Vietnamese
22	LÊ CÔNG VINH	BK3	37	1	2			70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD2	18	1.427	20	150	0	0	17		
2	BK3	4	298	3	9	2	30	5		
	TOTAL	22	1.725	23	159	2	30	22		
	WEIGHT KG		1.725		159		30			

GRAND TOAL: **1.914** KGS

VSP REP.	VNHS REP.	CREW
NGUYỄN THÚC HÀ	ĐỖ THỊ HẢI YẾN	BÙI HOÀNG DƯƠNG ☐
		NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG ☑

VNH SOUTH
Cùng bay tới thành công

FLIGHT MANIFEST

VIETSOVPETRO

DATE: 22/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO:P10	CREW: VTHẮNG - N.ANH - HUY	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM25/3650	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN DUY HÀ	P10	49	1	11	4	70	77	KH-THAC-K	Vietnamese
2	BÙI SỸ LONG	P10	41	1	8			79	KHTHAC-K	Vietnamese
3	LÊ TRÍ HÀO	P10						66	KHTHAC-K	Vietnamese
4	HOÀNG ANH TÚ	P10						80	D-HANH	Vietnamese
5	IAKIMIDI R.	P10	35	1	12			112	KH-THAC	Russian
6	TRẦN VĂN THẮNG	P10	30	1	4			73	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	P10	34	1	10			66	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM VĂN HƯỞNG	P10	39	1	5			79	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ ĐĂNG HOÀNG	P10	33	1	4			66	KH-THAC	Vietnamese
10	PHÙNG ĐẠI DƯƠNG	P10	38	1	9			80	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN CẢNH TÂN	P10	44	1	3			69	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN VĂN THỊNH	P10	40	1	5			71	NIPI	Vietnamese
13	TRẦN KHOA TRƯỜNG	P10	36	1	6			76	NIPI	Vietnamese
14	LƯƠNG CÔNG ĐẠT	P10	42-43	2	15			66	YTE	Vietnamese
15	TRẦN THANH HẢI	P10	45	1	16			76	KHTHAC-K	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐÌNH NAM	P10	37	1	12			66	KHTHAC-K	Vietnamese
17	PHẠM THANH DŨNG	P10	48	1	6			92	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ THANH LIÊM	P10	47	1	7			73	KH-THAC	Vietnamese
19	LÝ TRUNG HIẾU	P10	31	1	13			55	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN QUỐC PHI	P10	50	1	7			68	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VŨ KIÊN	P10	46	1	4			74	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM TIẾN PHƯỢNG	P10	32	1	8			72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P10	22	1.636	21	165	4	70	22		
	TOTAL	22	1.636	21	165	4	70	22		
	WEIGHT KG		1.636		165		70			

GRAND TOAL: **1.871** KGS

VSP REP.	VNHS REP.	CREW
NGUYỄN THÚC HÀ	NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH	NGÔ VĂN THẮNG ☐ NGHIÊM VIỆT ANH ☑

FLIGHT MANIFEST

VNH SOUTH
Cùng bay tới thành công

VIETSOVPETRO

DATE: 22/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:40
B.CARD: VANG-1	TO:CNV - P9	CREW: LHẢI - T.HIẾU - DŨNG - HIẾU	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 03		VNHS FLIGHT: TM25/3652	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	LÊ VĂN THOA	CNV	26	1	12	3	55	79	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐÌNH KHÁ	CNV	30-31	2	14			63	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN QUANG TRUNG	CNV	25	1	12			79	CODIEN	Vietnamese
4	LÊ SỸ TUYỀN	CNV	23-24	2	21			72	CODIEN	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN THỤC	P9	01	1	5	2	37	84	KHOAN	Vietnamese
6	VŨ VĂN TIẾN	P9	76	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN XUÂN HOÀNG	P9	45-46	2	15			76	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN VIẾT	P9	82	1	5			87	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ BÁ NẾP	P9	02-03	2	13			64	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VIỆT THẮNG	P9	83	1	9			66	KH-THAC	Vietnamese
11	HỒ ĐỨC HIỀN	P9	98-99	2	12			55	YTE	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN XUÂN	P9	77	1	6			68	DK9	Vietnamese
13	NGUYỄN BÁ KỲ	P9						76	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN CÔNG LUẬN	P9	44	1	8			75	KH-THAC	Vietnamese
15	HỨA SAY	P9	48	1	5			58	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐẶNG ĐỨC HẢI	P9	98	1	3			63	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN XUÂN DUY	P9	96,04	2	8			73	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM VĂN HIỆN	P9	47	1	8			50	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN TUẤN ANH	P9	50	1	3			58	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN MINH HIEN	P9	43	1	10			78	KH-THAC	Vietnamese
21	MÀ ANH TIT	P9	97	1	8			66	KH-THAC	Vietnamese
22	TRỊNH THẾ NHÂN	P9	300	1	3			74	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CNV	4	293	6	59	3	55	0		
2	P9	18	1.238	21	126	2	37	22		
	TOTAL	22	1.531	27	185	5	92	22		
	WEIGHT KG		1.531		185		92			

GRAND TOAL: **1.808** KGS

VSP REP.	VNHS REP.	CREW
NGUYỄN THÚC HÀ	BÙI THỊ HIỀN LƯƠNG	LƯU THANH HẢI ☐
		LÊ TRUNG HIẾU ☐

VNH SOUTH
Cùng bay tới thành công

FLIGHT MANIFEST

VIETSOVPETRO

DATE: 22/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 616	ETD: 07:50
B.CARD: HONG-2	TO:KNT	CREW: ATUẤN - TRÌNH	ETA: 09:50
VSP FLIGHT: 04		VNHS FLIGHT: TM25/3654	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN ĐÌNH QUỐC BẢO	KNT	51	1	6			58	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TRUNG KIÊN	KNT	55-56	2	16			100	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐẶNG CÔNG THỊNH	KNT	58	1	6			75	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ VĂN CƯỜNG	KNT	66	1	3			90	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN THÀNH BẮC	KNT	64	1	7			63	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN TRUNG HIẾU	KNT	52	1	7	2	18	72	KH-THAC	Vietnamese
7	VO VIET DUC	KNT	57	1	9			88	PVDO	Vietnamese
8	VŨ THANH LONG	KNT	50	1	7			74	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN TRỌNG HIẾU	KNT	59	1	6			73	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THÀNH DUY	KNT	67-68	2	10			85	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN THÀNH QUÂN	KNT	69-71	3	18	4	36	78	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN HIỆU	KNT	49	1	8			71	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN QUỐC VIỆT	KNT	63	1	5			74	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐẶNG THÁI SƠN	KNT	65	1	10			85	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN TRẦN ĐỨC KHÁNH	KNT	61	1	6			65	GETRACO	Vietnamese
16	TẠNG MINH HIẾU	KNT	60	1	4			76	GETRACO	Vietnamese
17	PHẠM THẾ DƯƠNG	KNT	62	1	4			55	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	KNT	17	1.282	21	132	6	54	18		
	TOTAL	17	1.282	21	132	6	54	18		
	WEIGHT KG		1.282		132		54			

GRAND TOAL: 1.468 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THÚC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ

CREW

ĐOÀN ANH TUẤN ☐

TRẦN KHÁNH TRÌNH ☑

FLIGHT MANIFEST

VNH SOUTH
Cùng bay tới thành công

VIETSOVPETRO

DATE: 22/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO:P11	CREW: VTHẮNG - N.ANH - HUY	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 05		VNHS FLIGHT: TM25/3651	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	BÙI VĂN CHÍNH	P11	14	1	5			94	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN HUY HÙNG	P11	06-07	2	11			69	KHOAN	Vietnamese
3	BÙI NGỌC LÂM	P11	18	1	6			73	KHOAN	Vietnamese
4	TRẦN MINH HIẾU	P11	23	1	4			73	KHOAN	Vietnamese
5	VÕ VĂN HÙNG	P11	15	1	7			69	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN TẤN PHƯỚC	P11	21	1	8			62	KHOAN	Vietnamese
7	KHUẤT QUANG KIÊN	P11	22	1	7			68	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN DOÃN BẢO TRUNG	P11	13	1	8			73	KHOAN	Vietnamese
9	ĐỖ VĂN MẢO	P11	25-26	2	11			72	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN QUỐC TUẤN	P11	01	1	4			66	KHOAN	Vietnamese
11	HUỲNH CHÁNH PHÁT	P11	09	1	6			62	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN NGỌC ANH	P11	19-20	2	10			76	YTE	Vietnamese
13	PHẠM ĐÌNH THUYẾT	P11	08	1	4	6	100	79	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ TIẾN DŨNG	P11	17	1	4			69	KHOAN	Vietnamese
15	PHAN TUẤN LONG	P11	24	1	6			67	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN DOÃN ĐỨC	P11	05	1	8			74	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN NGỌC TẤN	P11	04	1	11			73	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN XUÂN HÌNH	P11	02	1	9			87	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN TRỌNG BẰNG	P11	10-11	2	10			68	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐÀO THIỆN THUẬT	P11	03	1	5			61	KH-THAC	Vietnamese
21	DƯƠNG CÔNG PHỤNG	P11	12	1	9			74	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐINH THIỆN TÙNG	P11	16	1	3			77	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P11	22	1.586	26	156	6	100	22		
	TOTAL	**22**	**1.586**	**26**	**156**	**6**	**100**	**22**		
	WEIGHT KG		**1.586**		**156**		**100**			

GRAND TOAL: **1.842** KGS

VSP REP.	VNHS REP.	CREW
NGUYỄN THÚC HÀ	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	NGÔ VĂN THẮNG ☐
		NGHIÊM VIỆT ANH ☑

VNH SOUTH
Cùng bay tới thành công

FLIGHT MANIFEST

VIETSOVPETRO

DATE: 22/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO:VSP01 - BK4 - P2	CREW: DƯƠNG - HTRUNG - NNAM	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 06		VNHS FLIGHT: TM25/3643	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN ĐỨC ANH	VSP01	82	1	18			92	ANTOAN	Vietnamese
2	NGÔ VĂN TÍNH	VSP01	79-81	3	17			63	ANTOAN	Vietnamese
3	LƯU VĂN ĐIỆP	BK4	45	1	7	2	30	77	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ VÕ MẠNH CƯỜNG	BK4	42	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN HOÀNG ĐÀN	BK4	40-41	2	18			65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH TUẤN	BK4	43	1	9			70	XAYLAP	Vietnamese
7	ĐỖ MẠNH HÙNG	BK4	35-36	2	18	2	26	59	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN MẠNH DŨNG	BK4	37-39	3	20			75	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN HOÀNG TRUNG	BK4	32-34	3	19			74	XAYLAP	Vietnamese
10	HỒ VĂN ĐỨC	BK4	44	1	4			70	PSV	Vietnamese
11	HOÀNG ĐÌNH QUÊ	P2	68	1	14	1	20	89	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐẶNG QUỐC VIỆN	P2	98	1	4			73	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐINH BÁ HOÀNG NAM	P2	99	1	10			96	KH-THAC	Vietnamese
14	BIỆN ĐĂNG SÂM	P2	97	1	5			63	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN THANH TÙNG	P2	90	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
16	VŨ VĂN THỌ	P2	94	1	9			72	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN QUYẾT CHIẾN	P2	73	1	8			68	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN ĐỨC MINH	P2	600	1	3	2	14	75	KH-THAC	Vietnamese
19	HOÀNG MINH QUÂN	P2	93	1	8			62	KH-THAC	Vietnamese
20	VŨ VĂN ĐỒNG	P2	91	1	4			63	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐINH MẬU TRUNG KIÊN	P2	92	1	14			73	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	VSP01	2	155	4	35	0	0	0		
2	BK4	8	565	14	100	4	56	5		
3	P2	11	806	11	84	3	34	17		
	TOTAL	21	1.526	29	219	7	90	22		
	WEIGHT KG		1.526		219		90			

GRAND TOAL: **1.835** KGS

VSP REP.	VNHS REP.	CREW
NGUYỄN THÚC HÀ	VŨ THỊ THU HƯƠNG	BÙI HOÀNG DƯƠNG ☐
		NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG ☑

FLIGHT MANIFEST

VNH SOUTH
Cùng bay tới thành công

VIETSOVPETRO

DATE: 22/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 10:00
B.CARD: VANG-2	TO:P2 - BK10 - P9	CREW: LHẢI - T.HIẾU - DŨNG - HIẾU	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 07		VNHS FLIGHT: TM25/3653	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	THÁI HOÀNG TÂM	P2	60	1	3			76	KH-THAC	Vietnamese
2	TÔ NGUYỄN MINH KHÔI	P2	64	1	5			80	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM THIÊN NAM	P2	59	1	4			72	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN CÔNG TRÍ	P2	67	1	8			86	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐỖ HUY HÙNG	P2	61	1	9			67	KH-THAC	Vietnamese
6	CHU MINH PHƯƠNG	P2	54	1	5			89	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN TRƯỜNG NHẬT MINH	P2	57	1	7			83	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐỨC HÒA	P2	55-56	2	8			76	KHI	Vietnamese
9	PHẠM HẢI QUANG	P2	58	1	5			72	KHI	Vietnamese
10	TRẦN VIẾT BÌNH	P2	65	1	6			58	PSV	Vietnamese
11	PHẠM VĂN HIỆP	P2	62	1	9			77	PSV	Vietnamese
12	BÙI THANH TÙNG	P2	63	1	5			66	PSV	Vietnamese
13	PHẠM VIẾT HOÀNG	P2	68	1	3			51	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN ÁI	P2	66	1	4			52	PSV	Vietnamese
15	ĐÀO VĂN ĐỨC	BK10	06	1	6	2	25	66	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN CÔNG HOAN	BK10	07	1	4			74	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN THANH HẢI	BK10	10	1	10			103	KH-THAC	Vietnamese
18	NGHIÊM XUÂN ÁNH	BK10	09	1	6			54	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐỖ TUẤN VIỆT	BK10	08	1	8			68	KH-THAC	Vietnamese
20	MAI CAO ĐỊNH	BK10	11	1	4			65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P2	14	1.005	15	81	0	0	11		
2	BK10	6	430	6	38	2	25	6		
3	P9	0	0	0	0	0	0	5		
	TOTAL	20	1.435	21	119	2	25	22		
	WEIGHT KG		1.435		119		25			

GRAND TOAL: 1.579 KGS

VSP REP.	VNHS REP.	CREW
NGUYỄN THÚC HÀ	ĐẶNG THÚY ANH	LƯU THANH HẢI
		LÊ TRUNG HIẾU

VNH SOUTH
Cùng bay tới thành công

FLIGHT MANIFEST

VIETSOVPETRO

DATE: 22/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:10
B.CARD: HONG-3	TO:P1 - P11 - BK3	CREW: LINH - NPHÚ - VŨ	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 08		VNHS FLIGHT: TM25/3644	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LÊ VŨ THUẬT	P1	73	1	13			65	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN ĐỨC	P1	72	1	11			85	XAYLAP	Vietnamese
3	PHẠM THANH NHÃ	P1	41-42,58,78	4	19			78	PSV	Vietnamese
4	NGUYỄN XUÂN THỐNG	P1	44	1	14			62	PSV	Vietnamese
5	TRẦN QUANG HUY	P1	79,43	2	17			85	PSV	Vietnamese
6	PHAN CÔNG HUY	P11	44-45	2	15			76	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN LIÊM	P11	82	1	10			66	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN HUY	P11	37	1	18			63	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH TÙNG	P11	39	1	10			71	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ VĂN LINH	P11	33-34	2	20			71	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ MINH PHƯỢNG	P11	41-42	2	13			60	DVL	Vietnamese
12	LÊ VĂN KIỀU CẢNH	P11	35-36	2	18			73	PSV	Vietnamese
13	KIỀU VĂN TUẤN	P11	40	1	4			73	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN TRỌNG THẮNG	P11	38	1	6			67	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN TUẤN TÚ	P11	43	1	5			53	PSV	Vietnamese
16	HOÀNG NGỌC HOA	P11	47	1	7			65	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN TẤN ĐẠT	P11	46,48	2	15			79	NAMTIEN	Vietnamese
18	PHÙNG CÔNG DŨ	BK3	44	1	7			71	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN THỦY	BK3	42	1	16			68	XAYLAP	Vietnamese
20	HỒ ĐÌNH LỘC	BK3	43	1	3			80	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P1	5	375	9	74	0	0	3		
2	P11	12	817	17	141	0	0	13		
3	BK3	3	219	3	26	0	0	6		
	TOTAL	20	1.411	29	241	0	0	22		
	WEIGHT KG		1.411		241		0			

GRAND TOAL: **1.652** KGS

VSP REP.	VNHS REP.	CREW
NGUYỄN THÚC HÀ	VŨ THỊ THU HƯƠNG	NGÔ VĂN LINH ☐
		ĐÀO NGỌC PHÚ ☑